TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HSST
Ngày: 14/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B – TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Tuấn

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tâm -** Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số; 277/2022/QĐST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

NGUYỄN CAO C, giới tính: nam; sinh năm 1986, tại Cần Thơ.

HKTT: 7/1, khu vực T, phường T, quận O, thành phố Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965 (sống) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965 (sống); Vợ: Lê Thị Bé L, sinh năm 1994; Có 01 người con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/12/2021, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: **Công ty CP TMDV Đ**

Địa chỉ (mới): 46-48-50 T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Hồng Phước Th**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: B417, khu dân cư H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Cao C là nhân viên của công ty Cổ phần TMDV Đ (gọi tắt là công ty Đ), theo hợp đồng lao động ký ngày 01/9/2017. Công việc được giao là Tổ trưởng tổ giao hàng ngành sữa Vinamilk cùng với 02 nhân viên là Giao Minh Đ và Bùi Hoàng Nh, làm việc tại quận B và quận Ô, thành phố Cần Thơ. Nguyễn Cao C có nhiệm vụ nhận hàng của công ty ở kho hàng, sau đó mang giao cho khách hàng và thu tiền về để nộp lại cho công ty. Riêng đối với những trường hợp khách hàng được ký công nợ thì khi giao hàng xong, khách hàng chỉ ký tên xác nhận công nợ rồi sau đó Cưỡng sẽ tổng hợp báo cáo về bộ phận kế toán thông qua bà Mai Thúy A – kế toán tổng hợp kiêm kế toán công nợ của công ty Đ.

Lợi dụng phương thức quản lý như trên, trong thời gian làm việc từ khoảng tháng 10/2017, C đã thu tiền của 71 khách hàng gồm 133 hóa đơn (trong đó có 01 hóa đơn viết tay) nhưng chưa nộp về công ty với số tiền 529.244.009 đồng. Sau khi bị phát hiện, công ty Đ đã yêu cầu đối chiếu công nợ, nên C đã nộp lại số tiền 175.000.000 đồng, còn lại 354.244.009 đồng C không nộp lại cho công ty, nên ngày 04/3/2019 đại diện công ty Đ đã gửi đơn tố giác đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của C.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B, thành phố Cần Thơ đã ra quyết định khởi tố và lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Cao C nhưng C đã bỏ trốn, đến ngày 04/12/2021, C bị bắt theo quyết định truy nã.

Vật chứng của vụ án: 80 phiếu giao nhận và thanh toán (chứng từ gốc, liên màu xanh) do C nộp lại cho công ty Đ, số còn lại C đã vứt bỏ nên không thu hồi được. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của công ty Đ 132 phiếu giao nhận và thanh toán (liên trắng) và thu giữ của C 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu trắng bạc kèm sim số 0911.510.027.

Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định được chữ ký trên 73 phiếu giao nhận và thanh toán (liên xanh) trong tổng số 80 phiếu thu giữ của Công ty Đ (do có 07 phiếu không có chữ ký). Theo các kết quả giám định định số 66/KLGĐ –PC09 ngày 10/7/2020; số 70/KLGĐ-PC09 ngày 24/7/2020 và 71/ KLGĐ-PC09 ngày 31/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: trong số 73 phiếu

mẫu cần giám định có 03 phiếu trùng khớp với chữ ký mẫu, 06 phiếu không trùng khớp với chữ ký mẫu và 64 phiếu không đủ cơ sở kết luận có trùng khớp với chữ ký mẫu hay không.

Tại cơ quan điều tra, C khai nhận sau khi thu được tiền thanh toán của khách hàng, đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã dùng thủ đoạn ký khống chữ ký của khách hàng trên hóa đơn thể hiện còn nợ đơn hàng để báo cáo về công ty. Riêng đối với những trường hợp khách hàng được ký công nợ mà vẫn thanh toán trực tiếp thì sẽ ghi thông tin chữ "R" trên hóa đơn để thể hiện thanh toán xong nhưng C đã tẩy xóa đi, rồi tiếp tục ký khống chữ ký vào những hóa đơn này nhằm thể hiện khách hàng còn nợ đơn hàng và báo cáo về công ty là khách hàng còn nợ. Bằng phương thức này, C đã chiếm đoạt của công ty số tiền 354.244.009 đồng gồm 100 hóa đơn (trong đó có 01 hóa đơn viết tay) của 53 khách hàng. Trong 100 hóa đơn nêu trên, liên quan đến 53 khách hàng, qua xác minh làm việc được với 48 khách hàng, liên quan đến 93 hóa đơn để xác định đã thanh toán đủ tiền hàng cho C, không có ký công nợ. Đối với 05 khách hàng liên quan đến 06 hóa đơn không làm việc được do không còn hoạt động tại địa điểm kinh doanh. Riêng còn lại 01 hóa đơn viết tay do không có thông tin khách hàng nên không xác minh được thông tin.

Đối với những đơn hàng do 02 nhân viên Giao Minh Đ và Bùi Hoàng Nh thu tiền thì C đã yêu cầu giao lại cho C để làm báo cáo tổng hợp nộp về công ty nhưng trên thực tế C không thực hiện. Việc C chiếm đoạt số tiền trên những đơn hàng do Đăng và Nhân thu không có sự bàn bạc, thống nhất với Đăng và Nhân nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự, C và gia đình đã nộp khắc phục được số tiền 44.000.000 đồng và công ty Đ đã đối trừ tiền lương tháng 10/2017 của C số tiền 3.937.100 đồng, tổng cộng 47.937.100 đồng. Như vậy, số tiền còn lại C chưa khắc phục là 306.306.909 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT - VKSBT ngày 14 tháng 4 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố Nguyễn Cao C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Phân tích về nội dung vụ án, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: lợi dụng nhiệm vụ được công ty giao là đi thu tiền của khách hàng, bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tiền thu được từ khách hàng nhiều lần và không giao nộp về cho công ty, nên phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Bị cáo có nhân thân tốt, có thái độ

thành khẩn khai báo, khi xảy ra sự việc gia đình bị cáo cũng đã nộp lại cho công ty Đ được số tiền 44.000.000 đồng để khắc phục phần nào hậu quả do bị cáo gây ra. Tại phiên tòa, đại diện người bị hại cũng có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.... Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 6 đến 7 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585,586 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo phải trả cho người bị hại số tiền chiếm đoạt (có trừ đi 44.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp khắc phục và 3.937.100 đồng tiền lương tháng 10/2017 của bị cáo) còn lại là 306.306.909 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: cho bị cáo nhận lại điện thoại di động Iphone 6S màu trắng bạc kèm sim số 0911.510.027, tịch thu lưu hồ sơ các phiếu giao nhận và thanh toán (liên màu xanh).

Phía bị cáo: Thừa nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như Cáo trạng đã truy tố, không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin được xem xét cho hưởng mức án nhẹ để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng.

Đại diện người bị hại: Giữ nguyên ý kiến về việc yêu cầu bị cáo phải giao trả số tiền chiếm đoạt của công ty hiện còn là 306.306.909 đồng. Tuy nhiên, về mức hình phạt tù đối với bị cáo, đại diện người bị hại đề nghị xem xét cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm có cơ hội hòa nhập cộng đồng, lao động trả nợ và giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và các đương sự khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với kết luận điều tra và biên bản trình báo sự việc của người bị hại, đã chứng minh được: Nguyễn Cao C được nhận vào làm việc tại công ty CP DVTM Đ bằng hợp đồng lao động có thời hạn vào ngày 01/9/2017. Nhiệm vụ được giao là đi giao hàng- thu tiền của khách hàng ngành

hàng sữa Vinamilk và nộp về cho công ty vào cuối ngày. Lợi dụng công việc được giao và sự tin tưởng của công ty, khi nhận được tiền trả từ khách hàng, C không giao nộp về công ty mà chiếm đoạt bằng phương thức: ký khống chữ ký của khách hàng trên phiếu giao nhận và thanh toán để thể hiện khách hàng còn nợ (nhưng thực tế C đã thu tiền xong) và nói dối với công ty là các khách hàng chưa thanh toán. Việc ký khống, không giao nộp tiền về công ty được bị cáo thực hiện nhiều lần, với nhiều hóa đơn, chứng từ trong khoảng thời gian từ tháng 10/2017 đến đầu tháng 11/2017. Khi phía công ty phát hiện và yêu cầu bị cáo đến đối chiếu sổ sách, đã xác định được số tiền C thu của khách hàng và không giao nộp lại công ty là 529.244.009 đồng, liên quan đến 133 hóa đơn và 71 khách hàng. Sau đối chiếu sổ sách với công ty, C đã nộp lại công ty số tiền 175.000.000 đồng, còn lại số tiền 354.244.009 đồng, C không có khả năng thanh toán. Hành vi lợi dụng sự tin tưởng của công ty thông qua nhiệm vụ được giao, sau đó dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền nêu trên của bị cáo, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", thuộc tình tiết định khung tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự là "chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng..." Điều này cho thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận B truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Công việc mà bị cáo được giao là công việc được sự tin tưởng, tín nhiệm cao của công ty, có quy trình làm việc cụ thể, chặt chẽ, nhưng bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quy trình làm việc này, dùng thủ đoạn gian dối, để thực hiện việc chiếm đoạt số tiền trong chức trách nhiệm vụ của mình được giao và tiêu xài cá nhân. Điều này cho thấy bị cáo ý thức rất rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Số tiền bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn, do vậy, mức án dành cho bị cáo cũng cần phải nghiêm khắc, tương xứng với hành vi đã thực hiện. Để bị cáo lấy đó làm bài học, sống biết đặt mình trong khuôn khổ pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đã phân tích và đề nghị áp dụng tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng và không phân tích thêm. Tuy nhiên, xét tại phiên tòa, đại diện người bị hại có đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ, để bị cáo sớm có cơ hội hòa nhập cộng đồng, lao động tạo ra thu nhập, nhanh chóng khắc phục hậu quả cho người bị hại. Bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên đề nghị này của đại diện người bị hại là có cơ sở để xem xét, cân nhắc. Vì vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử đã xét cho bị cáo được hưởng mức án khoan hồng nhất để bị cáo lấy đó làm động lực phấn đấu cải tạo, thi hành được bản án. Phấn đấu làm người có ích cho xã hội, không tiếp tục vi phạm pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngoài số tiền 175.000.000 đồng bị cáo đã nộp lại cho công ty sau khi đối chiếu sổ sách, thì sau đó công ty Đ đã trừ lương tháng 10/2017 của bị cáo là 3.937.100 đồng và gia đình bị cáo cũng đã nộp khắc phục cho bị cáo nhiều lần với số tiền tổng cộng là 44.000.000 đồng. Do vậy, khấu trừ hai khoản tiền này, số tiền còn lại cần buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho người bị hại là 306.306.909 đồng (354.244.009 - 3.937.100 – 44.000.000 = 306.306.909 đồng).

[6] Về xử lý vật chứng:

- Điện thoại di động Iphone 6S và sim số 0911510027 của Nguyễn Cao C là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, nên cho bị cáo được nhận lại.

- Các hóa đơn chứng từ bán hàng bản gốc (liên xanh) là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, phía người bị hại – công ty Đ không có yêu cầu được nhận lại nên tịch thu lưu hồ sơ là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố: Nguyễn Cao C phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng**:** khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt**: Nguyễn Cao C: 05 năm tù.**

- Thời hạn phạt tù tính từ ngày 04/12/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả cho người bị hại – công ty Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đ số tiền 306.306.909đồng (ba trăm lẻ sáu triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, chín trăm lẻ chín đồng).

* *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47,48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo được nhận lại: 01 điện thoại Iphone 6s màu số ImeI 353317073990930 và sim số 0911510027.

- Tịch thu lưu hồ sơ 80 phiếu giao nhận và thanh toán bản gốc (liên màu xanh).

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Miễn án phí dân sự cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tgtt;
- VKSND Q. B;
- Cq CSĐT Công an Q. B;
- Cq THAHS Công an Q. B;
- Chi cục THADS Q. B;
- TAND. Tp Cần Thơ;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- Sở tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.